TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CP** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 392/2022/HNGĐ - ST
Ngày: 14 - 9 - 2022
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CP, TỈNH AN GIANG

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Nguyễn Thị Thu Sương;
Bà Huỳnh Thị Lệ Thu.

Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thái Trân - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện CP, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CP tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CP xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 227/2022/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2022 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 275/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị Cẩm T, sinh năm 2001. (Có mặt).
Nơi cư trú: Ấp Bình Hòa B, xã Cần Đ, huyện CT, tỉnh An Giang.
- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Đăng Tr, sinh năm 2000. (Có mặt).
Nơi cư trú: Ấp Cầu D, xã TMT, huyện CP, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/4/2022 và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Trương Thị Cẩm T trình bày: Bà và ông Tr quen biết, tìm hiểu nhau và chung

sống năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TMT, huyện CP, tỉnh An Giang vào năm 2020. Sau khi cưới cuộc sống ban đầu hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cải vả nhau, vợ chồng đã ly thân từ tháng 02/2022 đến nay. Nay không còn tình cảm nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Tr. Con chung có 01 con chung tên Nguyễn Đăng D, sinh ngày 07/01/2019, khi sống ly thân tháng 02/2022 con chung ở với bà T, đến tháng 3/2022 bên nội mượn cháu về nhà chơi đến nay không trả lại, ngăn cản không cho bà T không cho tới lui thăm con, ly hôn bà T yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông Tr cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản chung, nợ chung: không có.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Đăng Tr, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng ông Tr vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông Tr.

Tại phiên tòa:

Bà T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ly hôn với ông Tr, yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu ông Tr cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung: Không có.

Ông Tr trình bày thống nhất với phần trình bày của bà T về thời gian chung sống, kết hôn, con chung. Ông Tr không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ con, xin đoàn tụ. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng. Tài sản chung, nợ chung không có.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện CP phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng của bà T và ông Tr không lớn, hôn nhân không lâm vào tình trạng trầm trọng, có không thể hàn gắn được, nên bà T yêu cầu ly

hôn với ông Tr là không có cơ sở chấp nhận, nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T. Về con chung, tài sản chung, nợ chung đề nghị không xem xét.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết đúng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Ông Nguyễn Đăng Tr có hộ khẩu thường trú tại xã TMT, huyện CP, tỉnh An Giang. Bà T khởi kiện xin ly hôn, Tòa án nhân dân huyện CP thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Bà T và ông Tr chung sống với nhau vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TMT, huyện CP năm 2020 nên được pháp luật công nhận là vợ chồng và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 8; khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét về mâu thuẫn của bà T và ông Tr: Tại phiên tòa, bà T trình bày quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn, chỉ có một lần bà T và con về nhà chị ruột của bà T dự đám thôi nôi cháu, có nói ông Tr cùng đi nhưng ông Tr không đi, bà tiếp nấu ăn đến trưa có điện ông Tr xuống ăn nhưng ông Tr không đến, đến khoảng 3 giờ chiều ông Tr đến và nói đi đám bỏ đói con, trong khi đó bà T có gửi con cho ông bà ngoại của bà T trông coi, nên vợ chồng có cự cải qua lại, vợ chồng ly thân tháng 02/2022 đến nay và bà T nộp đơn xin ly hôn. Ông Tr cũng cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn ngoài sự việc như bà T trình bày, ông Tr không đi cùng bà T là vì có công việc chưa làm xong, nhưng đến chiều vẫn đến rước vợ con, thấy con không chịu ăn uống nên nóng ruột nói bà T bỏ đói con chứ không nói gì xúc phạm vợ và gia đình vợ. Đồng thời, ông Tr đã nhiều lần đến năn nỉ rước bà T và con về nhưng bà T không chịu về mà nộp đơn ly hôn, nay ông Tr không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ, thương con, xin đoàn tụ để vợ chồng cùng chung sống chăm lo cho con. Hội đồng xét xử đã động viên, hòa giải để ông bà đoàn tụ cùng nhau sống hạnh phúc chăm lo cho gia đình và các con,

nhưng bà T vẫn kiên quyết ly hôn. Tại phiên tòa hôm nay, thấy rằng ông Tr vẫn còn quan tâm, thương yêu, chăm sóc vợ con và bà T cũng xác định ngoài mâu thuẫn trên thì vợ chồng không có mâu thuẫn khác, quá trình chung sống ông Tr vẫn quan tâm, lo làm ăn lo cho vợ con, không vi phạm nghĩa vụ vợ chồng. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xác định tình cảm vợ chồng của ông Tr, bà T chưa đến mức mâu thuẫn trầm trọng, ông Tr vẫn quan tâm yêu thương vợ con, nên cần có thêm thời gian nữa để ông bà tự hàn gắn với nhau. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, không chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của bà Trương Thị Cẩm T.

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Do không chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

Bà T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẻ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 27 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Không chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của bà Trương Thị Cẩm T đối với ông Nguyễn Đăng Tr.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Do không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trương Thị Cẩm T nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Bà Trương Thị Cẩm T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ vào 300.000đ (*Ba trăm nghìn*

đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003809 ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Cục thi hành án dân sự huyện CP.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong Tr hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAT An Giang;
- THA huyện CP;
- VKSND huyện CP;
- UBND xã TMT;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Ngọc Mỹ